

Số: 3725 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Huỳnh Gia Cát, Công ty cổ phần dịch vụ hỗ trợ dệt và nhuộm Hàn Quốc, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Austdoor Miền Nam, Công ty TNHH Aju Việt Nam, Công ty TNHH Sản xuất kim loại chính xác Regent Việt Nam, Công ty TNHH Đa thuộc Tai Yu, Công ty TNHH Oto Vina do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Nhơn Trạch tại Tờ trình số 428/TTr-UBND, Tờ trình số 429/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 và Tờ trình số 444/TTr-UBND, Tờ trình số 445/TTr-UBND, Tờ trình số 446/TTr-UBND, Tờ trình số 448/TTr-UBND, Tờ trình số 449/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 725/TTr-LĐTBXH ngày 29 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Huỳnh Gia Cát, Công ty cổ phần dịch vụ hỗ trợ dệt và nhuộm Hàn Quốc, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Austdoor Miền Nam, Công ty TNHH Aju Việt Nam, Công ty TNHH Sản xuất kim loại chính xác Regent Việt Nam, Công ty TNHH Da thuộc Tai Yu, Công ty TNHH Oto Vina do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, như sau:

1. Công ty TNHH Huỳnh Gia Cát gồm 08 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 8.000.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (01 trẻ em) với số tiền là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng chẵn).

2. Công ty cổ phần dịch vụ hỗ trợ dệt và nhuộm Hàn Quốc, gồm 59 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 59.000.000 đồng, trong đó có 17 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (18 trẻ em) với số tiền là 18.000.000 đồng và 02 người lao động đang mang thai với số tiền là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 79.000.000 đồng (bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

3. Công ty cổ phần Sản xuất và thương mại Austdoor Miền Nam gồm 08 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 8.000.000 đồng, trong đó có 06 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (08 trẻ em) với số tiền là 8.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng chẵn).

4. Công ty TNHH Aju Việt Nam gồm 79 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 79.000.000 đồng, trong đó có 20 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (24 trẻ em) với số tiền là 24.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 103.000.000 đồng (một trăm linh ba triệu đồng chẵn).

5. Công ty TNHH Sản xuất kim loại chính xác Regent Việt Nam gồm 02 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).

6. Công ty TNHH Da thuộc Tai Yu gồm 125 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 125.000.000 đồng, trong đó có 09 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (11 trẻ em) với số tiền là 11.000.000 đồng và 02 người đang mang thai với số tiền là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn).

7. Công ty TNHH Oto Vina gồm 72 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với số tiền là 72.000.000 đồng, trong đó có 31 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (46 trẻ em) với số tiền là 46.000.000 đồng và 02 người lao động đang mang thai với số tiền là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn).



(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Nhơn Trạch chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH HUYỀN GIA CÁT, HUYỆN NHƠN TRẠCH
(Đính kèm theo Quyết định số 3725 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						8.000.000	
1	Trương Văn Tre	Tài xế lái xe	Xác định thời hạn	7526775359	23/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381178659
2	Hồ Minh Tân	Lơ xe	Xác định thời hạn	7525820173	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272981424
3	Nguyễn Long Hải	Tài xế lái xe	Xác định thời hạn	7516037865	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	321395466
4	Lý Hoàng Trung	Tài xế lái xe	Xác định thời hạn	7515143174	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	365838664
5	Trương Văn Khang	Tài xế lái xe	Xác định thời hạn	7514194877	23/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341752570
6	Nguyễn Hiếu Trục	Tài xế lái xe	Xác định thời hạn	7514062806	23/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271920569

7	Mai Thanh Nhân	Tài xế lái xe	Xác định thời hạn	7511055368	23/07/2021	15/09/2021	1.000.000	197237299
8	Phùng Văn Thảo	Tài xế lái xe	Xác định thời hạn	5420340100	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	221408972
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con để dưới 06 tuổi							
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Hiếu Trục	6	Nguyễn Vũ Thúy Anh	06/06/2020	Vũ Thị Thúy	24192001462	1.000.000	271920569
TỔNG CỘNG (I) + (II)							9.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 9.000.000 đồng
(Chín triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HỖ TRỢ ĐỆT VÀ NHUỘM HÀN QUỐC, HUYỆN NHƠN TRẠCH
(Đính kèm theo Quyết định số 3725 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						59.000.000	
1	Nguyễn Văn Lực	CN đứng máy Tender	Không xác định thời hạn	7515148046	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	075079001117
2	Nguyễn Anh Thư	BP QC	Không xác định thời hạn	7514203712	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272774956
3	Trần Hoàng Anh	CN đứng máy Tender	Không xác định thời hạn	7509048409	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	385507367
4	Nguyễn Văn Chương	CN đứng máy Tender	Không xác định thời hạn	7511209265	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	091511167
5	Sầm Văn Lệ	Công nhân chuẩn bị vải	Không xác định thời hạn	7516160489	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	073183179
6	Nguyễn Tấn Thành	CN đứng máy Tender	Không xác định thời hạn	7516163107	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	023389698

7	Hồ Thị Kim Phương	CN dọn dẹp vệ sinh	Không xác định thời hạn	9222621036	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	361995875
8	Mã Tuấn Trọng	Tổ QC	Không xác định thời hạn	7512052328	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	385438318
9	Hà Thị Bé Chín	NV phòng thí nghiệm	Không xác định thời hạn	7515145819	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341464495
10	Nguyễn Thị Thanh	CN kiểm vải, đóng góp	Không xác định thời hạn	7516081583	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	225754214
11	Nguyễn Văn Giàu	CN đứng máy nhuộm vải	Không xác định thời hạn	7515137325	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272475175
12	Nguyễn Trí Hiếu	CN kiểm vải, đóng góp	Không xác định thời hạn	7515143822	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381485760
13	Tô Quang Trung	CN đứng máy nhuộm vải	Không xác định thời hạn	4704047685	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272607494
14	Nguyễn Văn Hào	CN kiểm vải, đóng góp	Không xác định thời hạn	7516081359	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272607161
15	Lâm Thị Ngọc Duyên	Phòng thí nghiệm test màu	Không xác định thời hạn	9422629982	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	366199500
16	Nguyễn Thị Bảy	CN kiểm vải, đóng góp	Không xác định thời hạn	7512166610	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	334895173
17	Trần Văn Tỉnh	CN đứng máy Tenter	Không xác định thời hạn	7526927209	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272129088
18	Nguyễn Hải Đường	Nhân viên bảo trì điện	Không xác định thời hạn	7910376768	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	186011731



19	Hồ Ngọc Lợi	CN pha màu	Không xác định thời hạn	7414127979	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	331678688
20	Nguyễn Hoàng Mến	Công nhân chuẩn bị vải	Không xác định thời hạn	7913071384	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352018538
21	Bùi Việt Hoàng	Nhân viên bảo trì điện	Không xác định thời hạn	7510013759	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271856404
22	Dương Văn Hữu	CN đứng máy Tumble	Không xác định thời hạn	7516130839	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352304439
23	Bùi Thị Thúy	Công nhân chuẩn bị vải	Không xác định thời hạn	7508173930	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272958670
24	Lê Thanh Nhuận	NV kinh doanh	Không xác định thời hạn	7416323746	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272273768
25	Lâm Hoàng Đề	Công nhân chuẩn bị vải	Không xác định thời hạn	7516139484	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381783520
26	Võ Thị Ánh Nguyệt	CN kiểm vải, đóng góp	Xác định thời hạn	7915259453	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	331727240
27	Trần Công Tụ	Công nhân chuẩn bị vải	Xác định thời hạn	7716018612	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371793489
28	Phan Thị Hồng Trang	CN kiểm vải, đóng góp	Xác định thời hạn	75111114331	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	261306635
29	Nguyễn Đức Huy	CN đứng máy nhuộm vải	Xác định thời hạn	7513202138	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	025266007
30	Trần Văn Tây	CN đứng máy nhuộm vải	Xác định thời hạn	7513022977	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272138037

31	Phạm Thạch Công	CN đứng máy nhuộm vải	Xác định thời hạn	7414140110	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371282007
32	Linh Thị Mai Hồng	NV phòng thí nghiệm	Xác định thời hạn	7526266362	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271937887
33	Nguyễn Duy Kha	CN đứng máy nhuộm vải	Xác định thời hạn	8422543649	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	334248947
34	Trần Thị Ngọc Lại	Phòng thí nghiệm test màu	Xác định thời hạn	4705016694	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271786788
35	Nguyễn Chí Cường	BP Support	Xác định thời hạn	9622951963	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381688993
36	Lê Thị Mỹ Duyên	Phòng thí nghiệm test màu	Xác định thời hạn	7525889183	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272802640
37	Trần Bé Đua	BP nhuộm	Xác định thời hạn	7916127918	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	366165274
38	Nguyễn Chí Linh	BP hỗ trợ	Xác định thời hạn	7416201344	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	301630243
39	Lý Xuân Linh	CN đứng máy Tenter	Xác định thời hạn	3822772524	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	038200012526
40	Nguyễn Tuấn Cảnh	Công nhân chuẩn bị vải	Xác định thời hạn	7516151114	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	312349660
41	Nguyễn Thanh Hải	CN kho hóa chất	Xác định thời hạn	7526975315	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272829723
42	Nguyễn Thị Kim Loan	CN kiểm vải, đóng gói	Xác định thời hạn	8716004714	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341693058



43	Võ Đức Hòa	CN đứng máy nhuộm	Xác định thời hạn	7516120827	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341878371
44	Nguyễn Văn Sang	CN đứng máy nhuộm	Xác định thời hạn	7513016840	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272408845
45	Phan Hữu Phước	CN đứng máy nhuộm	Xác định thời hạn	9622088164	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381882983
46	Nguyễn Văn Khang	CN đứng máy nhuộm	Xác định thời hạn	8924466512	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352492526
47	Phạm Thanh Hải	CN kiểm vải, đóng góp	Xác định thời hạn	7525522896	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272741704
48	Nguyễn Văn Nghĩa	CN kiểm vải, đóng góp	Xác định thời hạn	7526642144	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272328590
49	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Công nhân chuẩn bị vải	Xác định thời hạn	8722353644	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	341649142
50	Huỳnh Văn Trương	VP xưởng	Xác định thời hạn	9622441085	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381770312
51	Nguyễn Thanh Châu	BP Bảo trì	Không xác định thời hạn	4705025221	19/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271337678
52	Nguyễn Mỹ Tuấn	CN đứng máy Tenter	Không xác định thời hạn	7515146323	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000	187398034
53	Phạm Hồng Thái	BP Nồi hơi	Không xác định thời hạn	7511211982	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000	186998591
54	Võ Ngọc Ái	CN pha màu	Không xác định thời hạn	5420668508	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000	221249059

55	Trần Hoàng Kha	Công nhân chuẩn bị vải	Không xác định thời hạn	9622589074	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381339385
56	Lê Văn Lợi	BP Kimo	Không xác định thời hạn	7511170965	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271768748
57	Thạch Văn Khỏe	CN kiểm vải, đóng góp	Xác định thời hạn	8924632889	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000	352180096
58	Nguyễn Văn Dũng	CN kho hóa chất	Xác định thời hạn	6622693296	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000	241126654
59	Dương Thanh Hùng	CN đứng máy nhuộm vải	Xác định thời hạn	8925516692	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000	351795026
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con để dưới 06 tuổi						18.000.000	
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Văn Lực	1	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	07/02/2017	Nguyễn Thị Ngọc Sương	271699833	1.000.000	75079001117
2	Nguyễn Mỹ Tuấn	52	Nguyễn Mỹ Quân	21/09/2019	Nguyễn Thị Trang	187716506	1.000.000	187398034
3	Nguyễn Tấn Thành	6	Nguyễn Huỳnh Thanh Nhã	22/11/2018	Huỳnh Thị Kim Nhấn	75186009904	1.000.000	23389698
4	Trần Bé Đua	37	Trần Gia Phúc	18/02/2018	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	341821889	1.000.000	366165274



5	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	49	Bùi Anh Khôi	10/10/2015	Bùi Thanh Tấn	341324253	1.000.000	341649142
6	Nguyễn Thị Bảy	16	Trần Nguyễn Nhật Đăng	18/12/2016	Trần Thanh Vũ	334419045	1.000.000	334895173
7	Nguyễn Thị Kim Loan	42	Nguyễn Thị Tường Vy	19/08/2020	Nguyễn Tuấn Hoài	341491232	1.000.000	341693058
8	Nguyễn Hai Dương	18	Nguyễn Ngọc Phú	01/12/2016	Lê Thị Thảo	187399499	1.000.000	186011731
9	Bùi Thị Thúy	23	Nguyễn Bùi Tố Trinh	25/10/2015	Nguyễn Trung Nghĩa	271819481	1.000.000	272958670
10	Bùi Việt Hoàng	21	Bùi Hoàng Phúc	08/01/2020	Nguyễn Thị Thúy	272129536	1.000.000	271856404
			Bùi Như Phúc	21/08/2021			1.000.000	
11	Lê Văn Lợi	56	Lê Hoàng Duy Đăng	12/02/2021	Nguyễn Thị Thu Hương	271714057	1.000.000	271768748
12	Linh Thị Mai Hồng	32	Trần Đăng Gia Khang	16/05/2016	Trần Đăng Hùng	271544778	1.000.000	271937887
13	Phạm Hồng Thái	53	Phạm Hà Thái Bảo	20/10/2020	Hà Thị Bé Chín	341464495	1.000.000	186998591
14	Trần Văn Tình	17	Trần Ngọc Thảo Nguyên	21/09/2018	Lê Thị Xuyên	272138528	1.000.000	272129088
15	Phan Thị Hồng Trang	28	Trần Ngọc Tuệ Nhi	12/08/2018	Trần Ngọc Anh	261328506	1.000.000	261306635

16	Dương Văn Hữu	22	Dương Phúc Vinh	25/10/2019	Trương Thị Diễm Ngọc	352381391	1.000.000	352304439
17	Nguyễn Anh Thư	2	Trần Thị Ngọc Ánh	03/12/2019	Trần Văn Dừa	271472708	1.000.000	272774956
III Hỗ trợ người lao động đang mang thai								
STT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I					Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Thanh	10					1.000.000	225754214
2	Võ Thị Ánh Nguyệt	26					1.000.000	331727240
TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)							79.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 79.000.000 đồng
(Bảy mươi chín triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AUSTDOOR MIỀN NAM, HUYỆN NHƠN TRẠCH**
(Đính kèm theo Quyết định số 3725 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

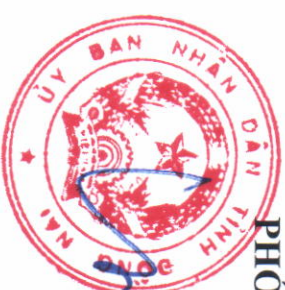
TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						8.000.000	
1	Nguyễn Văn Nghệ	CN sản xuất cửa nhôm	Không xác định thời hạn	75111167512	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272021525
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thủ kho	Không xác định thời hạn	7509068617	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271565472
3	Nguyễn Văn Đức	NV kho	Không xác định thời hạn	7510021550	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271845899
4	Nguyễn Thanh Trung	CN sản xuất cửa nhôm	Không xác định thời hạn	7510101797	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271804584
5	Nguyễn Thanh Hoài	CN sản xuất cửa nhôm	Không xác định thời hạn	75111170021	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272138057
6	Hồ Quốc Trung	CN sản xuất cửa nhôm	Không xác định thời hạn	7515146653	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	334855516

7	Trần Võ Huy Quang	CN sản xuất cửa nhôm	Không xác định thời hạn	7526302110	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	221449587
8	Phạm Nguyễn Duy Anh	CN sản xuất cửa nhôm	Không xác định thời hạn	7525883534	08/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272703989
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con để dưới 06 tuổi							
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Văn Nghệ	1	Nguyễn Trần Gia Bảo	13/10/2016	Nguyễn Văn Nghệ	272021525	1.000.000	272021525
2	Nguyễn Thanh Tùng	2	Nguyễn Bảo Như	13/05/2020	Nguyễn Thanh Tùng	271565472	1.000.000	271565472
			Nguyễn Bảo Ngọc	13/05/2020			1.000.000	
3	Nguyễn Văn Đức	3	Nguyễn Thị Anh Thư	21/05/2019	Nguyễn Văn Đức	271845899	1.000.000	271845899
			Nguyễn Đức Anh	07/11/2016			1.000.000	
4	Nguyễn Thành Trung	4	Nguyễn Hoàng Mai Chi	29/12/2015	Nguyễn Thành Trung	271804584	1.000.000	271804584
5	Nguyễn Thanh Hoài	5	Giấy chứng sinh	14/07/2021	Nguyễn Thanh Hoài	272138057	1.000.000	272138057

6	Hồ Quốc Trung	6	Hồ Tuấn Kiệt	15/06/2019	Hồ Quốc Trung	334855516	1.000.000	334855516
TỔNG CỘNG (I) + (II)								16.000.000



Tổng số tiền hỗ trợ: 16.000.000 đồng
(Mười sáu triệu đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH AJU VIỆT NAM, HUYỆN NHƠN TRẠCH
(Đính kèm theo Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						79.000.000	
1	Đỗ Thị Kim Chi	NV Kế toán	Xác định thời hạn	7512062442	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	272704747
2	Trần Thị Kim Nở	CN tạp vụ	Không XDTH	7516134246	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	270944542
3	Hồ Thị Oanh	CN tạp vụ	Không XDTH	7511171563	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271375994
4	Võ Khắc Hổ	NV QA	Xác định thời hạn	7516162889	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	221342816
5	Nguyễn Văn Thân	NV kho	Xác định thời hạn	7525963817	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	272650673
6	Hà Học Hải	Giám sát sản xuất	Không XDTH	7508247942	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	183454177
7	Trần Hoàng Phát	CN QC	Xác định thời hạn	5421145162	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	221437284
8	Nguyễn Văn Hứa	CN đổ bê tông	Xác định thời hạn	4023459735	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	187238621

9	Nguyễn Trọng Lực	CN QC	Xác định thời hạn	7515142690	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	183787842
10	Trần Minh Quan	CN QC	Xác định thời hạn	7514198176	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362296634
11	Nguyễn Văn Đoàn	CN QC	Xác định thời hạn	7508237137	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362276044
12	Trịnh Văn Hồng	CN phòng cơ khí	Không XDTH	7508253040	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	186465601
13	Nguyễn Huy Cường	CN phòng cơ khí	Không XDTH	0205019603	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	221046717
14	Lê Văn Thôi	CN phòng cơ khí	Không XDTH	7510199029	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	276055159
15	Lê Thanh An	CN phòng cơ khí	Xác định thời hạn	3821853484	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	171680371
16	Chu Trọng Tân	CN phòng cơ khí	Xác định thời hạn	4217708201	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	183907373
17	Nguyễn Hải Thọ	CN phòng cơ khí	Xác định thời hạn	7015007685	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362235909
18	Nguyễn Văn Vui	CN phòng cơ khí	Xác định thời hạn	7515145156	01/08/2021	20/9/2021	1.000.000	362436278
19	Hoàng Khắc Hai	Tổ trưởng phòng điện	Không XDTH	7516128476	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	174779341
20	Phạm Quốc Hưng	CN phòng điện	Xác định thời hạn	7516128823	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	184022061
21	Nguyễn Bá Quang	CN phòng điện	Xác định thời hạn	7526540274	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	272608332
22	Phan Ngọc Huy	CN đốt lò hơi	Xác định thời hạn	4217553854	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	183281756
23	Đoàn Hữu Trí	CN đốt lò hơi	Xác định thời hạn	7523374837	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	272774109
24	Nguyễn Văn Mười	CN lái xe nâng	Không XDTH	7509065499	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271267531
25	Võ Văn Hên	CN lái xe nâng	Không XDTH	7510028611	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	270978481

26	Đỗ Trọng Hiếu	CN phụ xe nâng	Xác định thời hạn	7413286656	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	168048675
27	Lý Đức Long	Tổ trưởng vận hành bồn trộn	Không XDTH	7508247953	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271487520
28	Trần Xuân Trường	Tổ trưởng vận hành máy ly tâm	Không XDTH	7508247946	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271478976
29	Huỳnh Văn Vũ	Tổ trưởng vận hành máy ly tâm	Không XDTH	7511167884	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	341256396
30	Nguyễn Văn Quang	Tổ trưởng tổ tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7511172397	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	361351421
31	Nguyễn Ngọc Thanh	Tổ trưởng tổ sửa cọc	Không XDTH	7513189929	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	352457712
32	Trịnh Văn Cường	Tổ trưởng tổ ráp lồng	Không XDTH	7512157818	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	187397688
33	Lê Văn Trung	CN tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7515137312	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	212729474
34	Trần Quốc Tuấn	CN vận hành cầu	Không XDTH	4702026795	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271312595
35	Bùi Thanh Nguyên	CN đổ bê tông	Không XDTH	7509070561	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271267259
36	Phạm Văn Hai	CN đổ bê tông	Không XDTH	7510101633	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	361834712
37	Nguyễn Văn Út Nhi	CN ráp lồng	Không XDTH	7510187606	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	341729575
38	Nguyễn Hoàng Dũng	CN vệ sinh khuôn	Không XDTH	7510193323	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	361012837

39	Trần Văn Tính	CN ráp lồng	Không XDTH	75111167881	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	341230017
40	Phạm Minh Tùng	CN vệ sinh khuôn	Không XDTH	75111170685	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	361204325
41	Phạm Tấn Đạt	CN ráp lồng	Không XDTH	75111170692	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	272142985
42	Trần Thị Phụng	CN ráp lồng	Không XDTH	75111172395	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	361425447
43	Nguyễn Thị Cam	CN ráp lồng	Không XDTH	75111172399	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	092173001152
44	Nguyễn Văn Hoàng	CN vận hành cầu	Không XDTH	7512161236	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	361828868
45	Đoàn Hữu Nam	CN vệ sinh khuôn	Không XDTH	7512159721	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	270707403
46	Đào Văn Thuận	CN tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7514196098	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	151023203
47	Huỳnh Minh Nhân	CN ráp lồng	Không XDTH	7514199136	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362260336
48	Nguyễn Thị Phụng	CN ráp lồng	Không XDTH	7512155019	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362457199
49	Trần Thanh Châu	CN đổ bê tông	Không XDTH	7515137314	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	370268459
50	Huỳnh Văn Tuấn	CN ráp lồng	Không XDTH	7514195596	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362370115



51	Trần Văn Phấn	CN tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7911442442	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	350836620
52	Châu Văn Mắm	CN ráp lồng	Không XDTH	7512162630	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	341552380
53	Nguyễn Văn Sang	CN đổ bê tông	Không XDTH	7508063663	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	312376749
54	Đặng Văn Dũng	CN tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7508237700	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271203611
55	Nguyễn Thanh Tâm	CN ráp lồng	Không XDTH	7515140645	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	351809393
56	Huỳnh Duy Duyên	CN ráp lồng	Không XDTH	7508247767	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271845231
57	Phạm Minh Tạo	CN tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7511209962	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	360963945
58	Bùi Văn Hiền	CN ráp lồng	Không XDTH	7515140647	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362363285
59	Bùi Hữu Đức	CN ráp lồng	Không XDTH	7512059373	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	350821885
60	Phan Văn Hải	CN tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7515140649	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	270884897
61	Nguyễn Đắc Chúc	CN tháo và ráp khuôn	Không XDTH	7516134247	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	183097407
62	Lê Minh Dương	CN đổ bê tông	Không XDTH	8011029941	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	341353012

63	Huỳnh Văn Mỹ	CN đổ bê tông	Không XDTH	7516127965	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362370116
64	Nguyễn Phước Thiện	CN vận hành cầu	Không XDTH	7516136609	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362436795
65	Trần Văn Lành	CN đổ bê tông	Xác định thời hạn	7508091394	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	271011500
66	Cao Văn Lợi	CN đổ bê tông	Xác định thời hạn	7516164394	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	092086000847
67	Nguyễn Đắc Tân	CN tháo và ráp khuôn	Xác định thời hạn	4221322996	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	183016927
68	Nguyễn Thành Nhơn	CN tháo và ráp khuôn	Xác định thời hạn	7515144883	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	351610900
69	Huỳnh Hồng Trí	CN đổ bê tông	Xác định thời hạn	7514017324	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362304013
70	Nguyễn Hoài Phong	CN đổ bê tông	Xác định thời hạn	7516139547	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	351825903
71	Huỳnh Thanh Tiền	CN đổ bê tông	Xác định thời hạn	7411297340	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	341695405
72	Nguyễn Văn Quân	CN ráp lồng	Xác định thời hạn	9222924546	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	092091004535
73	Dương Đình Trình	CN sửa cọc	Xác định thời hạn	9007005831	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	206334277
74	Đinh Văn Dực	CN tháo và ráp khuôn	Xác định thời hạn	1421411307	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	051093651

75	Nguyễn Thành Giàu	CN thảo và rắp khuôn	Xác định thời hạn	9222112873	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362322957
76	Lê Hồng Tinh	CN rắp lòng	Xác định thời hạn	9221861206	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	362329001
77	Đặng Văn Lực	CN đỏ bê tông	Xác định thời hạn	7514178645	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	371505180
78	Nguyễn Thanh Tùng	CN thảo và rắp khuôn	Xác định thời hạn	8924799461	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	351262370
79	Nguyễn Ngọc Giang	CN rắp khuôn	Xác định thời hạn	7510014239	19/07/2021	20/9/2021	1.000.000	341592770
II Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi				24.000.000				
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Đặng Văn Lực	77	Đặng Hoài Lý	07/12/2018	Bùi Thị Hữu Hạnh	352406386	1.000.000	371505180
			Đặng Thiên Phúc Khang	29/09/2015			1.000.000	
			Huỳnh Thị Thiên Ánh	08/02/2021			1.000.000	
2	Huỳnh Văn Mỹ	63	Huỳnh Thiên Phát	16/11/2016	Trần Thị Thanh Tuyền	89194000197	1.000.000	362370116
3	Nguyễn Văn Vui	18	Nguyễn Gia Phương	26/01/2016	Nguyễn Phương Linh	381833779	1.000.000	362436278

4	Phan Ngọc Huy	22	Phan Ngọc Minh Khang	16/02/2019	Dương Thị Vân	183483533	1.000.000	183281756
			Phan Ngọc Sang	12/08/2015			1.000.000	
5	Lê Thanh An	15	Lê Hoàng Trâm Anh	09/12/2019	Hoàng Thị Tình	173550061	1.000.000	171680371
6	Võ Khắc Hồ	4	Võ Phạm Thiên Phước	29/07/2020	Phạm Thị Thúy Ngân	54193009493	1.000.000	221342816
7	Trần Văn Tính	39	Trần Phúc Thịnh	20/04/2020	Võ Thị Nga	362495869	1.000.000	341230017
8	Nguyễn Phước Thiện	64	Nguyễn Minh Hào	20/08/2018	Phan Thị Tuyết Nhưng	362513456	1.000.000	362436795
			Nguyễn Minh Lâm	10/10/2015			1.000.000	
9	Huỳnh Văn Tuấn	50	Huỳnh Nguyễn Duy Khang	14/03/2020	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	341789646	1.000.000	362370115
10	Lê Minh Dương	62	Lê Thanh Duy	12/04/2019	Nguyễn Thị Xuyến	362311043	1.000.000	341353012
11	Trịnh Văn Hồng	12	Trịnh Thị Thanh Trang	08/05/2017	Nguyễn Thị Mai Phương	273656533	1.000.000	186465601
12	Nguyễn Văn Quân	72	Nguyễn Lê Gia Hân	17/03/2017	Lê Thị Kiều Oanh	351961088	1.000.000	92091004535
13	Nguyễn Thanh Tâm	55	Nguyễn Ngọc Kiều Oanh	22/04/2018	Trần Thị Vui	272829273	1.000.000	351809393



14	Phạm Tấn Đạt	41	Phạm Tấn Tiến Lợi	11/04/2018	Đào Thị Kim Hoa	272102445	1.000.000	272142985
15	Hà Học Hải	6	Hà Minh Thư	30/04/2017	Phạm Thị Nguyệt	183481875	1.000.000	183454177
16	Trần Minh Quan	10	Trần Thị Thu Trang	16/11/2015			1.000.000	362296634
17	Nguyễn Văn Đoàn	11	Nguyễn Lê Tuấn Khải	04/12/2018	Lê Thị Huỳnh Giao	312105275	1.000.000	362276044
18	Châu Văn Mắm	52	Châu Minh Nhấn	22/07/2018	Nguyễn Thị Kim Tuyền	341819146	1.000.000	341552380
19	Lê Văn Trung	33	Lê Ngọc Thảo Vy	08/09/2016	Trần Thị Kim	212720917	1.000.000	212729474
20	Huỳnh Duy Duyên	56	Huỳnh Duy Tùng	31/10/2015	Phan Thị Kim Duyên	271920661	1.000.000	271845231
TỔNG CỘNG (I) + (II)							103.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 103.000.000 đồng
(Một trăm lẻ ba triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KIM LOẠI CHÍNH XÁC REGENT VIỆT NAM, HUYỆN NHƠN TRẠCH
(Đính kèm theo Quyết định số 8725 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
1	Bùi Thị Tường Vi	Kiểm phẩm	Xác định thời hạn	8722205293	21/07/2021	30/09/2021	1.000.000	342053892
2	Ngô Triệu Vy	Kiểm phẩm	Xác định thời hạn	9621498738	21/07/2021	30/09/2021	1.000.000	381960771
TỔNG CỘNG							2.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 2.000.000 đồng
(Hai triệu đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH DA THUỘC TAI YU, HUYỆN NHƠN TRẠCH**

(Đính kèm theo Quyết định số 3725 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						125.000.000	
1	Ngô Văn Lợi	CN gọt đầu	Không XDTH	7510012414	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	363524415
2	Tôn Huỳnh Trần	CN cắt biên sau gọt	Không XDTH	9616005346	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381811820
3	Đinh Vũ Linh	CN lạng da	Xác định thời hạn	7910016624	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	363639063
4	Lê Văn Hiệp	CN cắt biên nguyên liệu	Xác định thời hạn	7512165040	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351780110
5	Lê Thị Phương	CN cắt biên sau gọt	Xác định thời hạn	7515138997	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352289599
6	Mai Xuân Tùng	CN lạng da	Xác định thời hạn	4420202405	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	194497642

7	Lê Minh Giàu	Phó tổ trưởng	Xác định thời hạn	7526075987	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271930229
8	Trần Văn An	CN coi trống	Xác định thời hạn	7508059065	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271166260
9	Đặng Văn Sơn	CN coi trống	Xác định thời hạn	7516139105	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272774221
10	Đoàn Minh Tiến	CN coi trống	Xác định thời hạn	8925251511	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352454063
11	Đoàn Văn Thất	CN cạo da	Không XDTH	7511211421	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381574244
12	Phạm Văn Nhơn	CN xử lý nước thải	Xác định thời hạn	7525816042	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	270944963
13	Lê Trần Thảo Hiền	CN vệ sinh	Không XDTH	7516159270	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	225211993
14	Đoàn Thị Lan	Cán bộ	Không XDTH	7514193344	01/08/2021	31/08/2021	1.000.000	272485414
15	Nguyễn Thanh Phúc	CN gọt đều	Không XDTH	8722623340	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341889840
16	Nguyễn Văn Quý	CN cắt biên nguyên liệu	Xác định thời hạn	7513192881	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351132437
17	Võ Văn Được	CN lạng da	Xác định thời hạn	7509022744	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351876336
18	Nguyễn Thanh Phong	CN gọt đều	Xác định thời hạn	7516158953	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341616452

19	Trương Văn Trường	CN lạng da	Xác định thời hạn	4018024177	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	186895160
20	Nay Y Chương	CN ép nước	Xác định thời hạn	6622281503	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	241894315
21	Lê Thị Tuyền	CN đứng máy	Xác định thời hạn	7510102439	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341714854
22	Chung Hoài Phong	Cán bộ	Không XDTH	7509138640	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	321195110
23	Lê Minh Trí	CN coi trống	Không XDTH	7516161389	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	321569778
24	Tô Văn Út Bé	CN phân hóa chất	Xác định thời hạn	8723543092	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341487563
25	Phạm Văn Thanh	CN coi trống	Xác định thời hạn	9622379354	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381297360
26	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	CN coi trống	Xác định thời hạn	4216975924	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	184089930
27	Huỳnh Văn Miên	CN phân hóa chất	Xác định thời hạn	8721775282	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	342035103
28	Võ Văn Diệt	CN coi trống	Xác định thời hạn	7222585216	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	072202006881
29	Trần Viết Mạnh	CN coi trống	Xác định thời hạn	4520384490	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	197420912
30	Phạm Văn Cung	CN coi trống	Xác định thời hạn	9123864699	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	371777399

31	Châu Quốc Mạnh	CN coi trống	Xác định thời hạn	9622914231	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381948630
32	Lê Minh Vương	CN coi trống	Xác định thời hạn	7424395682	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351820202
33	Đoàn Văn Vinh	CN coi trống	Xác định thời hạn	8924756244	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352553509
34	Ngô Việt Kìa	CN coi trống	Xác định thời hạn	9622220773	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	382023108
35	Phan Trung Kiên	CN coi trống	Xác định thời hạn	4216262771	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	184393230
36	Đào Viết Hùng	CN coi trống	Xác định thời hạn	4217490669	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	184473302
37	Võ Văn Ga	CN phân hóa chất	Xác định thời hạn	7222585215	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	291110205
38	Trần Thanh Hải	CN coi trống	Xác định thời hạn	4217061592	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	184466359
39	Phạm Văn Ngời	CN coi trống	Xác định thời hạn	7515136781	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352178219
40	Huỳnh Văn Thân	CN coi trống	Xác định thời hạn	7513197385	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	366149771
41	Trần Minh Tuấn	CN phân hóa chất	Xác định thời hạn	8321871998	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	321710643
42	Ksor Y Plă	CN phân hóa chất	Xác định thời hạn	6622375406	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	241598267

43	Nguyễn Văn Tài	CN coi trống	Xác định thời hạn	8922704444	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352178026
44	Nguyễn Văn Cường	CN coi trống	Xác định thời hạn	4420589068	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	044099002690
45	Huỳnh Công Phúc	CN coi trống	Xác định thời hạn	7513203220	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	251036639
46	Đặng Văn Đường	CN coi trống	Xác định thời hạn	6623096331	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	241699911
47	Lư Thị Kim Giàu	CN căng da	Xác định thời hạn	8914080211	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351893274
48	Hà Vũ Phong	CN ép nước	Xác định thời hạn	7508204208	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	334306623
49	Nguyễn Thị Thúy	CN Sơn Quét	Xác định thời hạn	7513194923	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381392241
50	Siu Hđjap	CN căng da	Xác định thời hạn	6422665176	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	231380582
51	Võ Văn Cài	CN ép chân không	Xác định thời hạn	7516214288	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352106472
52	Nguyễn Văn Hiền	CN ép nước	Xác định thời hạn	9321723868	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	364232046
53	Trần Hữu Dư	CN ép nước	Xác định thời hạn	8922584994	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351875148
54	Lê Văn Tâm	CN ép nước	Xác định thời hạn	7424718078	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351413113

55	Nguyễn Văn Dũ	CN ép nước	Xác định thời hạn	7523136389	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	366134104
56	Đặng Thị Tuyên	CN căng da	Xác định thời hạn	7525727239	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351303370
57	Đinh Công Đoàn	CN đứng máy	Xác định thời hạn	8922946885	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351368286
58	Siu H' Bê	CN căng da	Xác định thời hạn	6422726689	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	231029655
59	Rmah Nguyệt	CN đứng máy ép nước	Xác định thời hạn	6422348709	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	231488834
60	Siu H Mái	CN căng da	Xác định thời hạn	6422708418	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	231029610
61	Trương Công Đức	CN đứng máy ép nước	Xác định thời hạn	6622999312	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	242012433
62	Siu Sút	CN mài da	Xác định thời hạn	6410007782	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	230776410
63	Trần Văn Đến	CN mài da	Xác định thời hạn	9621944366	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381576897
64	Nguyễn Văn Giáp	CN mài da	Xác định thời hạn	4016679627	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	187522655
65	Ksor Y Thoai	CN mài da	Xác định thời hạn	6622330022	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	241960321
66	Trần Quốc Thanh	CN mài da	Xác định thời hạn	8723562377	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	340725820



67	Nguyễn Ngọc Nữ	CN Đứng máy	Xác định thời hạn	7412213094	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	371476966
68	Lê Thùy Trang	CN đứng máy	Xác định thời hạn	7526987725	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271699843
69	Lê Thị Mộng Thùy	CN đứng máy	Xác định thời hạn	7514194613	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271509957
70	Nguyễn Văn Sĩ	CN pha màu	Xác định thời hạn	9122803492	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	371964001
71	Hồ Thị Trúc Phương Em	CN đứng máy	Xác định thời hạn	8722730803	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341387769
72	Mai Thị Huệ	CN đứng máy	Xác định thời hạn	74111277271	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	172626250
73	Nguyễn Thị Thor	CN đứng máy	Xác định thời hạn	4018965848	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	187242902
74	Đinh Văn Nại	CN đứng máy	Xác định thời hạn	7415006739	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351176850
75	Nguyễn Văn Sậm	CN đứng máy	Xác định thời hạn	7511167322	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	331713966
76	Phùng Văn Sử	CN đứng máy	Xác định thời hạn	0115202528	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	371394860
77	Nguyễn Thị Sâu	CN đứng máy	Xác định thời hạn	9321533085	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	363675622
78	Dương Thúy An	CN đứng máy	Xác định thời hạn	9621335640	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381213214

79	Chau vútth	CN đứng máy	Xác định thời hạn	8923606087	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352531981
80	Châu Dương Linh	CN đứng máy lấn dầu	Xác định thời hạn	7515137458	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	351972560
81	Nay Lúc	CN đứng máy lấn dầu	Xác định thời hạn	6422319046	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	231215230
82	Võ Chua	CN đứng máy	Xác định thời hạn	5120627701	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	051074000144
83	Lý Văn Bản	CN đứng máy	Xác định thời hạn	1020480109	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	063594434
84	Neáng Sóc Na	CN đứng máy	Xác định thời hạn	8924783827	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352361331
85	Phạm Ngọc Tươi	CN đóng gói	Xác định thời hạn	9622319730	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381579027
86	Nguyễn Thanh Tuấn	CN đóng gói	Xác định thời hạn	7525779705	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	276095928
87	Nguyễn Huy Hùng	CN đóng gói	Xác định thời hạn	7526882229	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271908602
88	Trần Minh Thuận	CN đóng gói	Xác định thời hạn	7525433165	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271495308
89	Nguyễn Duy Khanh	Thợ điện	Xác định thời hạn	7526311635	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272898790
90	Nguyễn Văn Hoàng	Nhân viên công nghệ thông tin	Không XDTH	7508197570	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271305713

91	Hồ Thị Nguyệt	Trợ lý phòng thí nghiệm	Xác định thời hạn	4707134852	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272922994
92	Nguyễn Thị Thế	Trợ lý phòng thí nghiệm	Xác định thời hạn	4217493696	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	183591660
93	Đoàn Thị Hương Lan	Trợ lý sản xuất	Xác định thời hạn	6021085649	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	261367503
94	Nguyễn Nguyệt Ánh Thiên	Trợ lý kinh doanh	Xác định thời hạn	7912393645	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	271859281
95	Nguyễn Ngọc Thanh	Trợ lý kinh doanh	Xác định thời hạn	7511208643	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	272138521
96	Nguyễn Đắc Lợi	CN phân hóa chất	Xác định thời hạn	7916184589	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	290974497
97	Quách Đồng Khởi	CN thuộc gia	Xác định thời hạn	9622448059	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381623385
98	Đặng Minh Phương	CN coi trống	Xác định thời hạn	8322280013	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	321787029
99	Nguyễn Văn Vũ	CN phân hóa chất	Xác định thời hạn	9622413043	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381116294
100	Huỳnh Văn Tuấn	CN coi trống	Xác định thời hạn	6720872437	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	245313762
101	Nguyễn Văn Sang	CN cạo da	Không XDTH	7516162971	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	385399663
102	Nguyễn Văn Hoàng	Tài xế xe nâng	Không XDTH	9622457389	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381392239

103	Tô Thị Kiều	CN xén biên	Xác định thời hạn	7212028507	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341789874
104	Lại Văn Bằng	CN đứng máy ép chân không	Xác định thời hạn	9622375677	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381481499
105	Tô Văn Tây	CN ép chân không	Xác định thời hạn	8723543086	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341302437
106	Lê Thị Lớn	CN căng da	Xác định thời hạn	9622428724	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381480422
107	Trần Thị Thanh Hằng	CN căng da	Xác định thời hạn	7933567725	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	079175004581
108	Nguyễn Thị Mộng Kha	CN căng da	Xác định thời hạn	7416335840	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	352315565
109	Tô Văn Nhựt Hào	CN ép chân không	Xác định thời hạn	7525150175	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	342108974
110	Trần Văn Nhiều	CN ép nước	Xác định thời hạn	7512168198	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	365827597
111	Hứa Chí Nguyễn	CN ép nước	Xác định thời hạn	9622447351	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	381927697
112	Nguyễn Văn Chiến	CN ép nước	Xác định thời hạn	7515142582	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	285582299
113	Phan Văn Nút	CN đứng máy ép nước	Xác định thời hạn	8723968045	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341873281
114	Kpă Tuấn	CN đứng máy chân không	Xác định thời hạn	6423258705	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	230939047

115	Siu Linh	CN đứng máy ép chân không	Xác định thời hạn	6422678908	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	231029654
116	Lê Thị Vàng	CN Kiểm hàng	Xác định thời hạn	5221730371	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	215576218
117	Phan Văn Nu	CN đóng gói	Xác định thời hạn	8723918524	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	341754213
118	Kpă Nhên	CN cắt biên nguyên liệu	Xác định thời hạn	6423213519	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	230672970
119	Đoàn Văn Giổng	Cắt biên nguyên liệu	Xác định thời hạn	8722009281	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	340947144
120	Kpă Y Nong	CN quay trống	Xác định thời hạn	6622356477	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	241925163
121	Phạm Linh Kha	CN đứng máy	Xác định thời hạn	9321615065	15/08/2021	30/09/2021	1.000.000	363750569
122	Ngô Mùi Hòn	CN Chuẩn bị liệu	Không XDTH	7515061245	01/09/2021	30/09/2021	1.000.000	371509601
123	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Trợ lý kinh doanh	Xác định thời hạn	4420301963	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	044195000626
124	Lê Thị Hồng Thử	Trợ lý kinh doanh	Xác định thời hạn	7511204751	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	221269220
125	Vũ Thị Thảo	CN kiểm tra thành phẩm	Xác định thời hạn	7021335484	01/08/2021	30/09/2021	1.000.000	285421551
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi						11.000.000	

TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Tôn Huỳnh Trân	2	Phan Văn Nghĩa	30/08/2019	Phan Văn Thơ	363638926	1.000.000	381811820
2	Võ Văn Được	17	Võ Ngọc Như Ý	29/05/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng	261132526	1.000.000	351876336
3	Lê Thị Tuyền	21	Lý Thu Hà	15/03/2020	Lý Minh Quyền	271893755	1.000.000	341714854
4	Hồ Thị Nguyệt	91	Nguyễn Hồ Nguyệt Nga	05/12/2017	Nguyễn Quang Tường	272949160	1.000.000	272922994
5	Nguyễn Thị Thế	92	Hoàng Minh Trang	11/07/2017	Hoàng Đình Hải	183702783	1.000.000	183591660
			Hoàng Minh Châu	03/11/2015			1.000.000	
6	Ngô Mùi Hòn	122	Bùi Gia Khang	10/03/2021	Bùi Thanh Thảo	371476231	1.000.000	371509601
7	Nguyễn Thị Mỹ Linh	123	Cao Nguyễn Quỳnh Chi	14/05/2019	Cao Thanh Hoàn	194304490	1.000.000	44195000626
8	Lê Thị Hồng Thứ	124	Trần Thiên Bảo Ngọc	08/04/2020	Trần Văn Phúc	221450070	1.000.000	221269220
9	Vũ Thị Thảo	125	Đặng Vũ Hoàng Thảo Vy	03/02/2021	Đặng Xuân Thường	285421519	1.000.000	285421551
			Đặng Anh Khoa	07/10/2017			1.000.000	

III Hỗ trợ người lao động đang mang thai						2.000.000	
STT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I				Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMT/hẻ căn cước công dân
1	Đoàn Thị Lan	14				1.000.000	272485414
2	Lê Thị Hồng Thứ	127				1.000.000	401001338464
TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)						138.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 138.000.000 đồng
(Một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH OTO VINA, HUYỆN NHƠN TRẠCH**
(Đính kèm theo Quyết định số 3725 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
I	Hỗ trợ người lao động ngừng việc						72.000.000	
1	Nguyễn Quốc Thắng	CN kho	Không xác định thời hạn	7515145025	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272467302
2	Lê Phước Hải	CN kho	Không xác định thời hạn	7516153740	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272607166
3	Nguyễn Quốc Trung	CN kho	Không xác định thời hạn	7525418827	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272770253
4	Lê Minh Hiếu	Phó chuyên trưởng	Không xác định thời hạn	7509108598	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272939205
5	Phan Tiền Duyên	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7508156224	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	183300387
6	Nguyễn Thị Ty	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7508173723	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271864170

7	Nguyễn Thị Ngọc Nga	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7509135367	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272877749
8	Nguyễn Thị Loan	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7908216411	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	186715618
9	Võ Văn Cam	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7511168468	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	371366383
10	Hoàng Văn Hải	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7513201674	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	186178323
11	Phan Thị Ngọc Ánh	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7515143703	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	187253544
12	Lâm Nhật Phi	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7516164739	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000	365777324
13	Đoàn Văn Thuyên	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7516161626	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	163354947
14	Trần Thanh Tuấn	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	9422773753	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	366196432
15	Đoàn Minh Khang	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	6822511535	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	251133857
16	Đinh Văn Hiền	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7516046676	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	085014382
17	Ngô Cường	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	6623238515	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	241824411
18	Võ Văn Thanh	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7515136566	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	352044905

19	Hoàng Công Hoàng	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7930356485	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	023704507
20	Đinh Thị Bích Mỹ	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	4420123852	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	194622986
21	Danh Huỳnh Nét	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	9122529338	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	372030243
22	Phạm Hùng Phương	NV lái xe nâng	Không xác định thời hạn	7508079619	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271542456
23	Trương Thị Thu	CN vận hành máy CNC	Không xác định thời hạn	7410168374	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000	382000868
24	Trần Thị Minh Cúc	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	4707040871	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272951000
25	Trần Thị Cảnh	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	4706084870	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	111518870
26	Trần Minh Tân	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7508212503	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271516180
27	Nguyễn thanh Tuyền	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7510015405	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	351989413
28	Nguyễn Thị Bình	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7509034733	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272985659
29	Bùi Thị Thùy Dung	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7508218801	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	276009391
30	Đinh Văn Hiến	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7508173902	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	050599638

31	Lê Thị Ngọc Hương	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7511173221	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271083027
32	Phạm Minh Sang	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	4705051794	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271479344
33	Nguyễn Kim Cương	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7909284353	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	276095972
34	Nguyễn Thị Mộng Trinh	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7508217722	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271932040
35	Huỳnh Kim Phượng	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7509013904	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	075190002415
36	Phạm Hồng Thương	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	4707069929	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	151498265
37	Đỗ Thị Minh Hiếu	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7508132278	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271976289
38	Trần Thị Nga	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7512000028	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	187752359
39	Trần Thị Phượng	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7509030688	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272113922
40	Nguyễn Thị Chuyên	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7508224055	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272829138
41	Mai Thị Âu	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7510012385	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271564955
42	Tô Bé Thảo	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7511081454	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	371606274

43	Phạm Văn Tín	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7515037794	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	215170084
44	Tiền Trọng Có	CN kiểm hàng	Không xác định thời hạn	7516136354	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	366167448
45	Nguyễn Thị Mỹ Linh	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	8715006245	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	352414923
46	Nguyễn Thị Trang	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	7513199529	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	215329551
47	Nguyễn Văn Lương	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	7516001534	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	187556030
48	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	7513188523	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272022456
49	Nguyễn Sỹ Lương	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	0109131965	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	186439035
50	Huỳnh Thị Thúy Quyền	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	8321931429	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000	321713249
51	Lê Thị Thùy Linh	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	7512158189	24/08/2021	20/09/2021	1.000.000	261666989
52	Phan Thanh Hiệp	CN kiểm hàng	Xác định thời hạn	7414100221	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	365881794
53	Đặng Thị Thu Phúc	NV Quản lý chất lượng	Xác định thời hạn	7525281930	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272476756
54	Phạm Minh Nhựt	Nhóm trưởng sản xuất phối	Xác định thời hạn	7511169655	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	381216177

55	Kiều Văn Sức	CN vận hành máy bắn cát	Xác định thời hạn	8913011742	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	351525153
56	Lô Văn Kháy	CN vận hành máy cắt	Xác định thời hạn	4016196865	20/07/2021	20/09/2021	1.000.000	187836045
57	Lê Văn Bồng	CN vận hành máy đập	Xác định thời hạn	9521485118	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	385073356
58	Thạch Biên Hòa	CN vận hành máy cắt	Xác định thời hạn	7510103290	01/08/2021	20/09/2021	1.000.000	331671704
59	Nguyễn Huỳnh Khá	CN vận hành máy đập	Xác định thời hạn	7512155537	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	352195486
60	Nguyễn Thanh Tuấn	Nhân viên lái xe nâng	Xác định thời hạn	4704070161	19/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271744902
61	Lê Văn Lâm	Nhân viên lái xe nâng	Xác định thời hạn	7511209216	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272185617
62	Danh Tuấn	CN vận hành máy cắt	Xác định thời hạn	7414035934	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000	371739842
63	Phạm Phong Phú	Phó chuyên trưởng bảo trì	Xác định thời hạn	7508237630	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271768825
64	Nguyễn Trung Phi	CN bảo trì	Xác định thời hạn	7525190839	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272862696
65	Chau Banl	CN bảo trì	Xác định thời hạn	8923519736	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	352473705
66	Nguyễn Vũ	CN bảo trì	Xác định thời hạn	7512165355	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	272101743

67	Phạm Hồng Thái	Nhân viên bảo trì	Xác định thời hạn	7508055743	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271406309
68	Lý Khánh Triệu	Nhân viên bảo trì	Xác định thời hạn	7911337288	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	271920620
69	Võ Như Hùng	Lái xe	Xác định thời hạn	7912266470	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	312051330
70	Nguyễn Thanh Hiền	Lái xe	Xác định thời hạn	8216030583	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	312176996
71	Đoàn Thị Mộng Cầm	Tạp Vụ	Xác định thời hạn	4796016750	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	270888402
72	Nguyễn Tuấn Vũ	Nhân viên lái xe	Xác định thời hạn	7914082766	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000	312147451
II	Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi						46.000.000	
TT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMND/ thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/ thẻ căn cước công dân
1	Lê Minh Hiếu	4	Lê Khả Minh	09/10/2017	Bùi Khánh Tường Vy	271804067	1.000.000	272939205
			Lê Ngọc Minh	08/01/2021			1.000.000	
2	Phan Tiên Duyên	5	Bùi Ngọc Anh Khoa	01/09/2019	Bùi Nguyễn Ngọc Tuấn	240846747	1.000.000	183300387
			Bùi Ngọc Anh Thư	08/05/2016			1.000.000	

3	Nguyễn Thị Ty	6	Phan Nguyễn Tuệ Trúc Phan Nguyễn Đức Tín	14/02/2019 03/07/2016	Phan Thanh Minh Vương	271475413	1.000.000 1.000.000	271864170
4	Nguyễn Thị Ngọc Nga	7	Nguyễn Minh Quân Nguyễn Minh Trí	05/02/2016 23/10/2020	Nguyễn Hoàng Phúc	272877750	1.000.000 1.000.000	272877749
5	Võ Văn Cam	9	Võ kim Ngân	06/05/2018	Trần Thị Kim Nữ	371895701	1.000.000	371366383
6	Hoàng Văn Hải	10	Hoàng Nguyễn Trung Kiên Hoàng Trung Hiếu	05/08/2018 10/07/2021	Nguyễn Thị Nga	186737271	1.000.000 1.000.000	186178323
7	Phan Thị Ngọc Ánh	11	Đặng Văn Đạt	13/01/2017	Đặng Văn Hòa	186931415	1.000.000	187253544
8	Lâm Nhựt Phi	12	Lâm Nhã Băng	25/04/2018	Nguyễn Thị Kim Thoa	366224710	1.000.000	365777324
9	Võ Văn Thanh	18	Võ Nguyễn Bảo Ngọc	29/03/2016	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	352125252	1.000.000	352044905
10	Đinh Thị Bích My	20	Cao Hoàng Minh Khôi	16/09/2018	Cao Minh Cường	44096001762	1.000.000	194622986
11	Trương Thị Thu	23	Phạm Trương Hoàng Sang Phạm Trương Hoàng Trang	05/08/2018 06/10/2016	Phạm Hoàng Thúc	381406515	1.000.000 1.000.000	382000868

12	Phạm Minh Sang	32	Phạm Duy Phương	26/11/2015	Lương Thị Bạch Tuyết	271699895	1.000.000	271479344
13	Huỳnh Kim Phương	35	Dinh Phúc Ân	01/04/2016	Dinh Thủ Lĩnh	272850187	1.000.000	75190002415
			Dinh Thiên Ân	06/07/2019			1.000.000	
14	Trần Thị Nga	38	Cao Hoàng Yến	02/12/2016	Cao Văn Thao	187155372	1.000.000	187752359
15	Nguyễn Thị Chuyên	40	Bùi Thanh Trúc	24/02/2018	Bùi Văn Đức	272608821	1.000.000	272829138
16	Tô Bé Thảo	42	Nguyễn Ngọc Như Ý	10/07/2017	Nguyễn Văn Tài	362212075	1.000.000	371606274
17	Phạm Văn Tin	43	Phạm Đỗ Anh Kiệt	09/10/2016	Đỗ Kim Phương	75194000736	1.000.000	215170084
18	Nguyễn Thị Mỹ Linh	45	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	27/10/2020	Nguyễn Văn Tánh	341709880	1.000.000	352414923
			Nguyễn Trọng Nghĩa	19/06/2018			1.000.000	
			Nguyễn Trọng Phúc	09/01/2017			1.000.000	
19	Nguyễn Thị Trang	46	Trần Thảo My	04/12/2015	Trần Xuân Túc	151888295	1.000.000	215329551
			Trần Thảo Phương Tâm	21/12/2017			1.000.000	
20	Nguyễn Văn Lương	47	Nguyễn Ngọc Nhã Hân	27/09/2018	Nguyễn Thị Giang	194596114	1.000.000	187556030

21	Nguyễn Sỹ Lương	49	Nguyễn Sỹ Hoàng Duy	06/01/2018	Nguyễn Thị Thuận	186802021	1.000.000	186439035
22	Lê Thị Thùy Linh	51	Nguyễn Lê Khánh Ngọc	03/11/2017	Nguyễn Đức Thắng	260961419	1.000.000	261666989
23	Đặng Thị Thu Phúc	53	Nguyễn Hải Đông	22/08/2020	Nguyễn Nam Hải	151764550	1.000.000	272476756
24	Phạm Minh Nhựt	54	Phạm Anh Quốc Phạm Hồ Nhật Minh	24/09/2015 14/03/2021	Lê Thị Trang		1.000.000 1.000.000	381216177
25	Nguyễn Huỳnh Khá	59	Nguyễn Thiên Phúc	26/03/2017	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	352187383	1.000.000	352195486
26	Lê Văn Lâm	61	Lê Thị Cẩm Tiên Lê Tấn Đạt	26/08/2016 24/01/2019	Đặng Thanh Tuyền	92197000609	1.000.000 1.000.000	272185617
27	Danh Tuấn	62	Danh Thị Ngọc Yên	03/01/2019	Thị Kim Loan	371342089	1.000.000	371739842
28	Phạm Phong Phú	63	Phạm Ngọc Hân Phạm Trịnh Hoài An	28/01/2016 03/06/2018	Trịnh Thị Thảo	70886887	1.000.000 1.000.000	271768825
29	Nguyễn Vũ	66	Nguyễn Quốc Bảo	18/11/2020	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	352718015	1.000.000	272101743
30	Lý Khánh Triệu	68	Lý Khánh Hưng Lý Khánh Nam	20/02/2018 25/02/2016	Nguyễn Thị Thu Hà	272245185	1.000.000 1.000.000	271920620



31	Lê Minh Hiếu	4	Lê Khả Minh	09/10/2017	Bùi Khánh Tường Vy	271804067	1.000.000	272939205
			Lê Ngọc Minh	08/01/2021			1.000.000	
III	Hỗ trợ người lao động đang mang thai						2.000.000	
STT	Họ và tên	Số thứ tự tại mục I					Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Loan	8					1.000.000	186715618
2	Huỳnh Kim Phương	35					1.000.000	75190002415
TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)							120.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 120.000.000 đồng
(Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Sơn Hùng